

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm (nay là thị trấn Yên Lâm), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 40/GP-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh; Giấy phép khai thác khoáng sản số 170/GP-UBND ngày 19/9/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 4251/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND tỉnh về việc đình chỉ nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số 170/GP-UBND ngày 19/9/2024 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4333/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh đơn vị nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt tại Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 4129/BTNMT-KSVN ngày 05/6/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc hướng dẫn xác định trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác và thời điểm tính, trình phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông báo số 111/TB-UBND ngày 07/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về kết luận hội nghị Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 31/5/2024;

Căn cứ Thông báo số 270/TB-UBND ngày 18/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về kết luận hội nghị Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 11/12/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 638/TTr-SNNMT ngày 10/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

I. Nội dung điều chỉnh

1. Điều chỉnh điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:

“b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- $G_1 = G_m \times K_{qd} = 77.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 113.575 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

- $G_2 = G_m \times K_{qd} = 2.400.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,0 = 2.400.000 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá khối để xẻ.”

2. Điều chỉnh điểm c khoản 1 Điều 1 như sau:

“c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: $Q = Q_1 + Q_2 = 6.501.266 \text{ m}^3$; trong đó:

- $Q_1 = 5.916.152 \text{ m}^3$ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường;

- $Q_2 = 585.114 \text{ m}^3$ đá khối để xẻ.”

3. Điều chỉnh điểm f khoản 1 Điều 1 như sau:

“f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$T = T_1 - T_2 = 30.780.490.412 \text{ đồng} - 1.249.280.566 \text{ đồng} = 29.531.209.846 \text{ đồng}$ (Hai mươi chín tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, hai trăm linh chín nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng); trong đó:

- $T_1 = (Q_1 \times G_1 \times K_1 \times K_2 \times R_1) + (Q_2 \times G_2 \times K_1 \times K_2 \times R_2) = (5.916.152 \text{ m}^3 \times 113.575 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\%) + (585.114 \text{ m}^3 \times 2.400.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 1\%) = 30.780.490.412 \text{ đồng}.$

- $T_2 = 1.249.280.566 \text{ đồng}$ là số tiền đơn vị đã nộp.”

4. Điều chỉnh điểm i khoản 1 Điều 1 như sau:

“i) Số tiền nộp lần đầu:

$T_{ld} = T : (X : 2) \times 30\% = 29.531.209.846 \text{ đồng} : (30 : 2) \times 30\% = 590.624.197 \text{ đồng}$ (*Năm trăm chín mươi triệu, sáu trăm hai mươi tư nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng*).”

5. Điều chỉnh điểm k khoản 1 Điều 1 như sau:

“k) Số tiền nộp từ lần thứ 02 đến lần thứ 15:

$T_{hm} = (T - T_{ld}) : [(X : 2) - 1] = (29.531.209.846 \text{ đồng} - 590.624.197 \text{ đồng}) : [(30 : 2) - 1] = 2.067.184.689 \text{ đồng}$ (*Hai tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm tám mươi chín đồng*).”

II. Lý do điều chỉnh: Xác định lại trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) tại Công văn số 4129/BTNMT-KSVN ngày 05/6/2023.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, địa phương nơi có mỏ, tăng cường kiểm tra, giám sát việc cấm mốc giới khu vực mỏ, khai thác khoáng sản trong phạm vi khu vực mỏ được cấp phép, theo công suất, trữ lượng được cấp phép theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý nghiêm hành vi vi phạm (nếu có) theo thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty TNHH SX và DVTM Nhật Minh.

2. Chi cục Thuế khu vực X:

- Thông báo đến Công ty TNHH Xuân Trường về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp bổ sung ngân sách nhà nước năm 2020 (196.900.140 đồng), từ năm 2021 đến năm 2023 (689.150.490 đồng/năm), năm 2024 (624.753.353 đồng) theo quy định.

- Thông báo đến Công ty TNHH SX và DVTM Nhật Minh (đơn vị nhận chuyển nhượng mỏ từ Công ty TNHH Xuân Trường theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 170/GP-UBND ngày 19/9/2024 của UBND tỉnh và Quyết định số 4251/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND tỉnh) số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2025 (1.874.018.201 đồng) và các năm tiếp theo vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Công ty TNHH Xuân Trường có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung vào ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Công ty TNHH SX và DVTM Nhật Minh:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách nhà nước theo quy định; kê khai, báo cáo, thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện; trường hợp khi có hướng dẫn, yêu cầu khác của các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan có thẩm quyền hoặc trong quá trình thực hiện, nếu cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan có ý kiến về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ thuế, Công ty TNHH SX và DVTM Nhật Minh phải chấp hành nộp bổ sung đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuế theo quy định.

- Khai thác khoáng sản trong phạm vi khu vực mỏ được cấp phép theo đúng mốc giới đã được cắm, công suất, trữ lượng được cấp phép theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc báo cáo công suất, trữ lượng khai thác với cơ quan chức năng theo quy định; hàng ngày làm việc, thực hiện kết nối, truyền thông tin và cung cấp giá bán vật liệu với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường để công bố công khai trên Website do Sở Tài chính quản lý; tuyệt đối không găm hàng, tích trữ, đầu cơ, nâng giá, ép giá, bán với giá cao hơn mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) đã kê khai giá được niêm yết, công bố gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước và nhân dân; thực hiện việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ, đúng giá bán cho người dân, doanh nghiệp.

- Sau khi kết thúc thời gian khai thác, nộp hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại mỏ nêu trên về Sở Nông nghiệp và Môi trường; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế số thứ tự số 3 Phụ lục kèm theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2018, 2019 và 2020 của các đơn vị khai thác khoáng sản theo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, được đính chính tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh về việc đính

chính một số nội dung tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực X; Chủ tịch UBND huyện Yên Định; Chủ tịch UBND thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định; Công ty TNHH Xuân Trường; Công ty TNHH SX và DVTM Nhật Minh; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTTC_{VN32819}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi